

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TAI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **111/2025/HSPT**
Ngày: 11-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa**
 Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**
 Ông **Lê Tự.**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Đình**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Duy V** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo:

- **Bị cáo:** Lê Duy V; sinh ngày 18-12-1963, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: **tổ A, thôn P - P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê T** và bà **Nguyễn Thị S**; có vợ và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt giam ngày 20-12-2023. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Trần Thị D**, Luật sư **Công ty L1**, thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**. Có mặt;

- Bị hại: Ông **Phan Văn Nguyên H**; sinh năm 1982; nơi cư trú: **E đường L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị **Nguyễn Thị Hồng Đ**; sinh năm 2001; nơi cư trú: **tổ Đ, thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt;

2. Ông Nguyễn Văn U; sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ A, thôn P - P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt;

3. Bà Lê Thị Thanh N; sinh năm 1975; nơi cư trú: E đường M, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

4. Bà Trần Thị L; sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ A, thôn P - P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Thừa đất trồng cây lâu năm có diện tích 10.000m² tại thôn P - P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn U; đến năm 2008, đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Lê Thị Thanh N và ông Hồ Trung T1. Lê Duy V là hàng xóm với ông U và biết việc ông U chuyển nhượng thửa đất nói trên cho bà N, ông T1.

- Tết nguyên đán năm 2022, khi biết anh Phan Văn Nguyên H có nhu cầu mua đất vườn thì Lê Duy V nói với anh H là có người bạn muốn bán thửa đất 10.000m² tại thôn P - P với giá 1.500.000.000 đồng, còn V mua thì giá chỉ 850.000.000 đồng; nếu anh H muốn thì V mua giúp nhưng phải cho V 100.000.000 đồng. Sau khi nghe V nói thì anh H đồng ý mua và yêu cầu được xem giấy tờ đất.

- Tháng 5-2022, V gửi ảnh qua Zalo cho anh H hình ảnh “Mảnh trích đo chỉnh lý số 202-2022”. Sau đó, ngày 27-5-2022, anh H đưa tiền cọc 100.000.000 đồng cho V thì V có viết giấy nhận tiền. Đến ngày 24-6-2022, theo yêu cầu của V thì anh H chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản của chị Trương Thị Hồng Đ1 và trong cùng ngày thì chị Đ1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản số 24480107 của V mở tại Ngân hàng TMCP Á. Cuối cùng, ngày 01-7-2022, anh H đến nhà V đưa tiền mặt 700.000.000 đồng và V viết giấy nhận tiền, hẹn đúng 03 tháng sau làm thủ tục sang tên cho anh H.

- Sau khi hết thời gian thỏa thuận, anh H yêu cầu V làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nói trên nhưng V không thực hiện. Ngày 03-01-2023, V nhắn tin qua Zalo hình ảnh “Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 59 (81) tờ bản đồ địa chính số 208 (225) do ông Hồ Minh Đ2 - Giám đốc Trung tâm K, ký ngày 03-01-2023” cho anh H xem. Khi xem phiếu, anh H thấy số thửa đất không đúng với số thửa mà V gửi trước đây nên đến Trung tâm hỏi thì được biết không có phiếu đo đạc này. Nghi ngờ V lừa đảo, anh H yêu cầu V trả lại tiền nhưng V không trả, nên anh H làm đơn tố cáo.

- Quá trình điều tra Lê Duy V khai: Đầu năm 2022, V đã mua lại thửa đất nói trên của một người tên Nguyễn Văn H1 (nhà ở I đường M, thành phố Đà Nẵng; làm việc tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, địa chỉ E đường Q, thành phố Đà Nẵng) với giá 850.000.000 đồng; sau đó, V bán lại cho anh H với giá 950.000.000 đồng. Đến cuối năm 2022 đầu năm 2023, do đã quá hạn và bị anh H

hỏi thúc thì **V** cũng đã hỏi thúc **H1** hoàn thành thủ tục chuyển nhượng thì **H1** đưa cho **V** một phiếu xác nhận kết quả đo đạt thửa đất đã có chữ ký và con dấu đỏ, phần điền tên người sử dụng đất để trống, **V** điện thoại cho anh **H** hỏi thì anh **H** nói **V** ký thay vào phần người sử dụng đất với tên **Phan Văn Nguyên H**, nên **V** đã ký giả chữ ký của anh **H** sau đó chụp ảnh phiếu xác nhận đo đạt gửi cho anh **H** qua ứng dụng Zalo, còn bản gốc phiếu này **H1** lấy lại để làm thủ tục chuyển nhượng.

- Kết quả xác minh như sau: Tại địa chỉ 93 đường **M** và Văn phòng đăng ký đất đai thành phố **Đ** không có ai tên **Nguyễn Văn H1**. Chủ sở hữu thửa đất 10.000m² tại thôn **P - P**, xã **H**, huyện **H**, thành phố **Đà Nẵng** bà **Lê Thị Thanh N** không chuyển nhượng hay ủy quyền chuyển nhượng thửa đất này cho **Nguyễn Văn H1**, **Lê Duy V** hay cho ai khác, đồng thời bà **N** cung cấp hồ sơ nhận chuyển nhượng từ ông **Nguyễn Văn U**. Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố **K** không cấp phiếu xác nhận kết quả đo đạt hiện trạng thửa đất (đề ngày 03-01-2023) đối với thửa đất số 59 (81) tờ bản đồ 208 (225) diện tích 6.800m² tại tổ **A H**, **H** cho người sử dụng đất là **Phan Văn Nguyên H**.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của **Lê Duy V** 01 điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A03, màu xanh, số imei 353151337685279.

Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, **Lê Duy V** đã trả lại cho anh **Phan Văn Nguyên H** 190.000.000 đồng. Anh **H** yêu cầu **V** tiếp tục bồi thường số tiền 760.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố **Đà Nẵng** đã quyết định:

“1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

*Tuyên bố bị cáo **Lê Duy V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;*

*Xử phạt bị cáo **Lê Duy V** 09 (chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 12 năm 2023.*

...

3. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 46 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

*Buộc bị cáo **Lê Duy V** phải trả lại cho bị hại anh **Phan Văn Nguyên H** 760.000.000 (bảy trăm sáu mươi triệu) đồng”*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2024, bị cáo **Lê Duy V** có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 13/12/2024, ông **Phan Văn Nguyên H** có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm truy thu tài sản mà bị cáo **Lê Duy V** đã tẩu tán cho con để khắc phục hậu quả, buộc bị cáo **V** phải trả tiền cả gốc lẫn lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, ông **Phan Văn Nguyên H** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện VKS cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo **Lê Duy V** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật, mức hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo của bị hại **Phan Văn Nguyên H**: Thấy không có cơ sở chấp nhận đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, luật sư.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người liên quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Trong năm 2022, **Lê Duy V** đưa ra thông tin gian dối có người bạn muốn chuyển nhượng 10.000m² đất tại **thôn P, P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng**, nếu anh **Phan Văn Nguyên H** mua thì **V** chỉ mua với giá 950.000.000 đồng. Do tin tưởng **Lê Duy V**, anh **H** đã chuyển cho bị cáo **V** đủ số tiền 950.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo **Lê Duy V** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Tính chất hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó cần phải xử bị cáo với mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa loại tội phạm này.

[3] Bị cáo bị truy tố theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần thiệt hại; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, trong đó có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu ở chiến trường K làm nhiệm vụ quốc tế; nhưng bị cáo đã 3 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự) để từ đó xử phạt bị cáo 09 năm tù, mức hình phạt dưới khung hình phạt là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Duy V**.

[4] Xét kháng cáo của anh **Phan Văn Nguyên H** đề nghị Tòa án truy thu tài sản bị cáo đã tẩu tán cho con ngày 26/4/2023 và 07/6/2023 theo Giấy chứng nhận số 00846QSDĐ/84-QĐUB.

Vấn đề này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh **Phan Văn Nguyên H** có quyền khởi kiện vụ án dân sự đề nghị Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bị cáo **Lê Duy V** và anh **Lê Trần Duy Đ3**.

[5] Đối với nội dung kháng cáo buộc bị cáo **Lê Duy V** phải trả tiền lãi: Thấy đây là vụ án hình sự nên không thể tính tiền lãi đối với số tiền bị cáo **V** đã chiếm đoạt của bị hại.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Lê Duy V** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Duy V**, ông **Phan Văn Nguyên H**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 02/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo **Lê Duy V** 09 (chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2023.

Áp dụng Điều 46; 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

2. Buộc bị cáo **Lê Duy V** phải trả lại cho bị hại ông **Phan Văn Nguyên H** số tiền 760.000.000 (bảy trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

3. Về án phí: Bị cáo **Lê Duy V** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị như: xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đinh Phước Hòa